

Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế - khâu đột phá quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020

HỒ NGỌC HY

Dổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế là một chủ trương lớn đã được nêu ra trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Đây là khâu đột phá, là bước phát triển mới của nền kinh tế Việt Nam. Vấn đề này nhận thức như thế nào trong hệ thống chính thể phát triển của các quan điểm, mục tiêu và các giải pháp lớn của chiến lược. Theo đó, quyết tâm hành động, tổ chức thực hiện quyết liệt để đạt được yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cấu trúc lại nền kinh tế - nâng cao chất lượng, hiệu quả, tỉnh bền vững.

1. Sự cần thiết đổi mới mô hình tăng trưởng, cấu trúc lại nền kinh tế

Việc đổi mới mô hình tăng trưởng, cấu trúc lại nền kinh tế là yêu cầu khách quan của mọi nền kinh tế, mọi quốc gia trong chiến lược phát triển của mình, đặc biệt là các nước có nền kinh tế phát triển, đang phát triển và mới nổi.

Chủ nghĩa tư bản được sự dẫn dắt các lý thuyết kinh tế thị trường tự do "tự điều tiết và cân bằng" song cùng với các cuộc khủng hoảng chu kỳ chủ nghĩa tư bản cùng với hai cuộc đại khủng hoảng kinh tế 1929-1933 và 2008-2009 cho đến nay với sức tàn phá dữ dội đã để lại hậu quả chưa chấm dứt. Một số chính trị gia, một số nhà kinh tế nổi tiếng có cả chính khách Phương Tây cho rằng, việc áp dụng máy móc mô hình kinh tế của chủ nghĩa tư bản mới có những sai lầm tự hại và đến lúc phải thay đổi nó. Quốc tế, trong đó có cả các quốc gia có nền kinh tế lớn (G8, G20) đều lên tiếng kêu gọi thế giới phải cấu trúc lại nền kinh tế toàn cầu; đặc biệt là hệ thống, thể chế, điều hành thương mại, tài chính tiền tệ quốc tế (tổ chức WTO, IMF, WB...). Thế giới ngày nay, xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, vừa hợp tác vừa đấu tranh, giai đoạn phát triển với tốc độ và trình độ

cao hơn, nhưng nhìn chung sẽ mất cân đối nghiêm trọng giữa tiêu dùng lớn với sản xuất có hạn, giữa nhu cầu phát triển cao với tài nguyên hạn chế. Sự tranh chấp gay gắt tài nguyên, lợi ích kinh tế sẽ diễn ra mạnh mẽ gây nhiều bất lợi cho tiến trình phát triển của kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam.

Đại hội lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định cần thiết phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu và cơ cấu lại nền kinh tế là yêu cầu đòi hỏi khách quan của tiến trình phát triển của Việt Nam.

2. Mô hình tăng trưởng, cơ cấu nền kinh tế - thực trạng

Suốt một thời gian dài, Việt Nam đã áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung mang tính bao cấp. Mô hình này đã thu được những kết quả nhất định, đã góp phần quan trọng trong việc huy động và tập trung nguồn lực, đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ đất nước

Hồ Ngọc Hy, ThS., Hội khoa học kinh tế tỉnh Quảng Trị.

có chiến tranh. Nhưng về sau, trong bối cảnh đất nước hoàn toàn độc lập, toàn cầu hóa kinh tế, hòa bình, hợp tác và phát triển trở nên những xu thế lớn của thời đại thì mô hình này bộc lộ những khuyết điểm, trở nên lạc hậu, kém hiệu quả, kìm hãm sự phát triển.

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn hơn và đầy đủ hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Đại hội VI của Đảng (tháng 12-1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước nhằm thực hiện có hiệu quả hơn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các văn kiện Đại hội VII, VIII, IX, X, XI của Đảng khẳng định mô hình nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

Qua thực tiễn vận hành mô hình nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mang lại những thành tựu 25 năm đổi mới là to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đặc biệt, trong mười năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001 - 2010, Việt Nam đã tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu to lớn, rất quan trọng. Đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Nhiều mục tiêu chủ yếu của chiến lược 2001 - 2010 đã được thực hiện, đạt bước phát triển mới cả về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, kinh tế tăng trưởng nhanh, đạt tốc độ bình quân 7,26%/năm, giá trị sản xuất công nghiệp tăng cao, đạt gần 15%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, năng lực sản xuất và tiềm lực kinh tế của đất nước không ngừng tăng lên. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Đến năm 2010 nước ta đã hoàn thành phần lớn các mục tiêu thiên niên kỷ mà Liên hợp quốc đề ra cho năm 2015, vị trí và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Tuy nhiên, theo chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011 - 2020: Kinh tế trong nước phát triển chưa bền vững. Chất lượng tăng

trưởng, năng suất hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp. Các cân đối kinh tế vĩ mô chưa vững chắc. Công tác quy hoạch, kế hoạch và việc huy động, sử dụng các nguồn lực còn hạn chế, kém hiệu quả, đầu tư còn dàn trải. Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nói chung còn nhiều yếu kém, việc thực hiện chức năng chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước còn bất cập. Tăng trưởng kinh tế vẫn dựa nhiều vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu. Môi trường nhiều nơi đang bị ô nhiễm nặng. Tài nguyên, đất đai chưa được quản lý tốt, khai thác và sử dụng kém hiệu quả. Thể chế kinh tế thị trường, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm nghẽn, cản trở sự phát triển.

Tồn tại, khuyết điểm trên biểu hiện một số mặt:

1. Trước hết phải nói đến sự tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng thông qua việc sử dụng các nhân tố kinh tế, đặc biệt là hiệu quả sử dụng các nhân tố ấy.

Tăng trưởng và phát triển bền vững là mục tiêu hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng trưởng kinh tế không chỉ phụ thuộc vào những thay đổi về số lượng và chất lượng các nhân tố sản xuất mà quan trọng hơn là phụ thuộc vào những thay đổi về hiệu quả sử dụng kết hợp các nhân tố này. Điều đó thể hiện qua sự gia tăng năng suất các nhân tố bằng chỉ số năng suất tổng hợp (TFP). Một nền kinh tế có tốc độ TFP cao là điều kiện quan trọng, có ý nghĩa bảo đảm cho việc duy trì tăng trưởng dài hạn, ổn định, bền vững và tránh được những biến động tiêu cực kinh tế từ bên ngoài tác động. Theo các chuyên gia kinh tế nước ngoài cảnh báo về thách thức "bẫy thu nhập trung bình". Những cảnh báo này có căn cứ bởi các chỉ tiêu quan trọng đo lường chất lượng, hiệu quả nền kinh tế Việt Nam đang hội tụ nhiều yếu tố bất lợi dễ rơi vào "bẫy thu nhập trung bình"

Qua các giai đoạn trong 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001

2010) cho chúng ta thấy, tốc độ tăng và tỷ trọng của vốn đầu tư lớn hơn tốc độ và tỷ trọng đóng góp của lao động và luôn vượt quá tốc độ tăng trưởng GDP. Do đó, chỉ số ICOR đo lường hiệu quả đầu tư, ICOR của nước ta lại có xu hướng tăng nhanh trong các năm 2001-2007 là 5,2 (nghĩa là cần 5,2 đồng vốn đầu tư để tăng được một đồng GDP); cao cấp rưỡi đến hai lần nhiều nước chung quanh trong thời kỳ đầu công nghiệp hóa. Đến năm 2008, chỉ số ICOR của Việt Nam lên đến 6,66 và đến nay đã gần ở ngưỡng 8. Tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn chủ yếu dựa khoảng 80% vào quy mô vốn, lao động còn yếu tố năng suất toàn bộ (TFP) cũng chiếm với tỷ trọng ở mức dưới 30% (các quốc gia trong khu vực từ 35 - 40%; các nước công nghiệp phát triển từ 50% trở lên), mặc dù nước ta mới thoát ra khỏi mức thu nhập thấp và đang vào giai đoạn "tiền công nghiệp hỗ trợ". Trong khi đó, quốc tế hóa về kinh tế xu hướng nổi trội, các nước tư bản chủ nghĩa, các nước phát triển đang tìm kiếm thị trường tiềm năng ở nước ngoài để đầu tư nhằm thu lợi nhuận cao, phần lớn đầu tư công nghệ lắp ráp, loại thải công nghệ máy móc, thiết bị lạc hậu. Chưa phải là "lún sâu" nhưng chúng ta ít nhiều cũng đã mắc phải. Do đó, chúng ta không thể tiếp tục tiếp thu dựa vào lắp ráp giản đơn với đội ngũ lao động không có kỹ năng, điều đó sẽ không tạo ra được các giá trị trong nước, gặp khó khăn khi các ngành công nghiệp rút ra khỏi Việt Nam, khi mức lương tăng lên và hội nhập ngày càng sâu rộng. Ngày nay quy mô kinh tế đang ngày càng phát triển mạnh, nhu cầu về chất lượng, chủng loại, mẫu mã sản phẩm... ngày càng cao thì đòi hỏi một lượng vốn đầu tư nhiều, lao động có trình độ kỹ thuật, trong khi tài nguyên thiên nhiên sẽ bị hạn chế chưa nói là sự cạn kiệt, nếu tiếp tục phát triển kinh tế nghiêng về chiều rộng sẽ làm căng thẳng, có thể phá vỡ các quan hệ cân đối vĩ mô, hiệu quả sử dụng nguồn lực kém, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, không theo kịp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Về cơ cấu kinh tế giữa các ngành, lĩnh vực chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng còn chậm, cơ cấu trong nội bộ từng ngành cũng chưa thật hợp lý. Trình độ phát triển giữa các vùng cách biệt lớn và có xu hướng mở rộng. Các cân đối vĩ mô, các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế không đạt kế hoạch đề ra 5 năm (2005 - 2010). Tỷ trọng các ngành công nghiệp, phi nông nghiệp trong nền kinh tế tăng liên tục, nhưng các ngành, các lĩnh vực sản phẩm có công nghệ cao với trí tuệ, giá trị gia tăng lớn đang còn ít, chiếm tỷ trọng thấp trong nền kinh tế quốc dân đều chưa phát triển hoặc chỉ mới hình thành và chưa có doanh nghiệp mang tầm toàn cầu. Hầu hết các ngành sản xuất, các doanh nghiệp chưa tham gia được các chuỗi giá trị toàn cầu và mạng phân phối toàn cầu.

3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa chậm, chưa đủ sức để kéo theo sự chuyển dịch của cơ cấu lao động. Cơ cấu lao động trong nông nghiệp từ 57,1% (năm 2005) giảm xuống 48,2% (năm 2010) còn lại 2 khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tỷ trọng lao động cũng mới chỉ xấp xỉ với khu vực nông nghiệp. Thực tế ở nông nghiệp, nông thôn hiện nay sản xuất vẫn lao động thủ công là chủ yếu, năng suất lao động toàn xã hội đã thấp, năng suất lao động ở nông nghiệp, nông thôn lại càng thấp hơn. Tình trạng lao động dư thừa, nhàn rỗi trong nông nghiệp, nông thôn, cung lớn hơn cầu rất nhiều.

4. Với thực trạng hiện nay thì cơ cấu lại nền kinh tế phải chú ý đến mối quan hệ sản xuất tích lũy tiêu dùng, đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đến lợi ích trước mắt, lợi ích căn bản và lâu dài, lợi ích toàn cục và toàn xã hội.

Điều nghịch lý, trong khi chủ trương của Đảng, Nhà nước về cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" đẩy mạnh xuất khẩu, giảm nhập siêu, thì trên thị trường chúng ta thấy có nhiều hàng hóa có nguồn gốc, không có nguồn gốc từ nước

ngoài như nguyên sản phẩm, linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu,... Những năm gần đây chúng ta đã từng nhập hàng vạn tấn muối ăn, hàng vạn tấn đường, hàng chục vạn tấn giấy, sắt thép tồn kho nhưng lại nhập sắt thép, phôi và ngay trường hợp nhập 50% hạt điều nguyên liệu để đủ số lượng chế biến xuất khẩu... Chợ Đồng Xuân vốn là biểu tượng sầm uất về giao thương của Việt Nam mỗi ngày từ 15-20 tấn hàng được luân chuyển đến các vùng, miền trong cả nước, đa phần là hàng có xuất xứ từ nước ngoài. Theo số liệu thống kê của Công ty cổ phần Đồng Xuân, rất ít hàng Việt Nam chất lượng cao có mặt tại chợ Đồng Xuân. Ngược lại, hàng lưu niệm, đồ chơi, đồ điện tử, điện thoại, vali, cặp xách, ... hàng Trung Quốc chiếm 90%. Tương tự ở khu Thương mại đặc biệt Lao Bảo và chợ Đông Hà (tỉnh Quảng Trị) thì hàng hóa nước ngoài của Thái Lan, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... tràn ngập vào thị trường không kém gì chợ Đồng Xuân. Trong khi nước ta có tài nguyên khoáng sản, có rừng, biển, đất đai để trồng cây lương thực, thực phẩm, cây nông nghiệp và chăn nuôi, đánh bắt thủy hải sản, có lực lượng lao động dồi dào trong thời kỳ cơ hội "dân số vàng", nhưng chưa phát huy hết lợi thế này mà còn khai thác, sử dụng lãng phí. Chúng ta coi trọng sản xuất, nhưng không thể sản xuất và tiêu dùng bằng bất cứ giá nào mà phải hướng vào đâu để phát triển sản xuất và bằng phương pháp, phương tiện nào theo hướng CNH HĐH "đi tắt, đón đầu", tiếp thu, lựa chọn khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại của thế giới.

Ngày xưa cha ông chúng ta chưa có thuật ngữ "cơ cấu kinh tế", nhưng để lại cho chúng ta những kinh nghiệm từ thực tiễn để xác định vai trò, vị trí của nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, khoa học kỹ thuật mà đúc rút thành chân lý "phi công bất phú, phi nông tắc loạn, phi thương bất hoạt, phi trí bất hưng" - chân lý đó ngày nay vẫn còn giữ nguyên giá trị.

Vấn đề nông nghiệp nói chung và an ninh lương thực nói riêng vẫn là vấn đề chiến lược

vừa mang tính quốc gia và toàn cầu trong điều kiện công nghiệp phát triển mạnh mẽ, dân số tăng nhanh, biến đổi khí hậu, thiên tai dịch bệnh, ô nhiễm môi trường luôn luôn rình rập, xung đột cục bộ chưa hoàn toàn loại bỏ. Trong khi đó việc chuyển đổi đất đai nông nghiệp còn tùy tiện, thiếu cân nhắc toàn diện, sử dụng lãng phí đất nông nghiệp là một khuyết điểm lớn, tình trạng lao động trong nông nghiệp lạc hậu, dôi dư như hiện nay là không thể chấp nhận được. Có thể nói an ninh lương thực là một vấn đề cơ bản lâu dài đối với nước ta, không lơ là và chủ quan bởi chúng ta xuất khẩu gạo đứng thứ 2 thế giới mà phải đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực.

Về công nghiệp, là lĩnh vực sản xuất vô cùng rộng lớn, đáp ứng những nhu cầu phong phú và đa dạng của đời sống con người, và nhu cầu sẽ tác động trở lại kích thích công nghiệp, phát triển vô cùng, vô tận. Nhưng khái quát nền sản xuất cũng chỉ sản xuất 2 loại: tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng mà quy luật tái sản xuất mở rộng không ngừng như C.Mác đã chỉ ra.

Đảng và Bác Hồ đã từng rất quan tâm đến công nghiệp nặng tư liệu sản xuất để chế tạo tư liệu sản xuất. Bác Hồ nói "một nước độc lập ắt phải có công nghiệp nặng" (Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 7, tr 208) Đại hội lần thứ III của Đảng năm 1960 đã xác định: "Kết hợp công nghiệp với nông nghiệp và lấy công nghiệp nặng làm nền tảng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, nhằm biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước có công nghiệp hiện đại và nông nghiệp hiện đại" (Văn kiện Đại hội Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Xuất bản 1960, T1, tr 65).

Trong công nghiệp nặng thì cơ khí chế tạo, trước hết là cơ khí chế tạo máy đóng vai trò rường cột, làm cơ sở giải phóng lao động, cho cách mạng về năng suất lao động, không bị lệ thuộc vào nước ngoài, quyết định nền kinh tế

độc lập, tự chủ, quyết định cả công nghiệp quốc phòng. Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước cũng đã đề cập đến vấn đề trên, thể hiện trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020. Đến nay, cả nước cơ khí chế tạo, cơ khí điện tử, cơ khí chính xác phát triển chưa nhiều, chưa mạnh, còn chậm trễ. Trong khi có hàng chục nhà máy sản xuất ô tô mà lại nhập hàng vạn ô tô, nhập phụ tùng, linh kiện lắp ráp chịu thuế cao so với ô tô nhập nguyên chiếc, ảnh hưởng đến sản xuất ô tô nội địa, ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập hàng chục nghìn người lao động.

Phát triển công nghiệp chế biến là nhu cầu to lớn và cấp bách đối với nước ta: về khối lượng lớn, nhiều chủng loại sản phẩm, chất lượng cao từ nông, lâm, thủy sản và khoáng sản; thu hút được nhiều việc làm, kích thích mở rộng tiêu dùng trong nước và tăng cường xuất khẩu.

Những năm gần đây Việt Nam trở thành một trong những nước có kim ngạch xuất khẩu tăng cao, với sản lượng ngày càng tăng và giữ thứ hạng của thế giới của nhiều mặt hàng chủ lực như gạo, cà phê, hạt tiêu, hạt điều, thủy sản, gỗ... Nhưng về cơ bản xuất khẩu Việt Nam chưa mang lại lợi nhuận cao như mong muốn. Nguyên nhân chủ yếu do năng suất chế biến thấp, chi phí sản xuất cao, chi phí môi giới lớn; phần lớn xuất khẩu nguyên liệu thô, sản phẩm sơ chế; thu hoạch, bảo quản, chế biến chưa đồng bộ; năng lực cạnh tranh và giá cạnh tranh còn thấp;... do chưa được quan tâm đầu tư vào các khâu có giá trị gia tăng (công nghệ tiên tiến, thiết bị máy móc hiện đại, công nghiệp hỗ trợ chế biến và bảo quản thành phẩm...) nên phải lệ thuộc và các nhà đầu tư và môi giới nước ngoài dẫn dắt dẫn đến lợi nhuận thấp, sức cạnh tranh yếu, Việt Nam hiện là nước sản xuất cà phê Robusta lớn nhất thế giới nhưng xuất khẩu 95% sản lượng cà phê nguyên liệu (cà phê nhân), cả nước có khoảng 50 nhà máy chế biến cà phê với tổng công suất 80 nghìn tấn nhưng chỉ chế biến được 3% sản lượng của cả nước. Trong khi đó ở Braxin 50% sản lượng cà phê thu hoạch được chế biến rồi

xuất khẩu. Tương tự hạt tiêu trong sản xuất và xuất khẩu đứng hàng đầu thế giới nhưng khả năng cạnh tranh còn thua Ấn Độ. Theo khảo sát của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (CIEM) còn cho thấy, trong 3 sản phẩm mang lại kim ngạch xuất khẩu lớn cho ngành thủy sản, có 70% sản lượng xuất khẩu ở dạng sơ chế, chi phí cao, chênh lệch lợi nhuận không đáng kể. Gạo xuất khẩu của Việt Nam đứng thứ 2 thế giới (sau Thái Lan). Theo kinh nghiệm Thái Lan, ngày nay với công nghệ và óc sáng tạo, con người có thể dễ dàng chuyển đổi hạt gạo xuất khẩu truyền thống thành các sản phẩm hàng hóa khác chế biến từ gạo mang lại nguồn thu tốt hơn cho nông dân và cho đất nước. Để có sản lượng lúa gạo ngày càng tăng, sản phẩm chế biến từ hạt gạo ngày càng phong phú, một mặt phải tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu gạo, tiết kiệm từng tấc đất, ruộng mặt; mặt khác phải tiến mạnh ra biển, lên rừng để sản xuất làm giàu. Xây dựng khu công nghiệp, nhà máy nhiệt điện, sân gôn, nhà máy lắp ráp xe máy.... đã xén đi hàng trăm, hàng ngàn héc ta đất giữa vùng đồng bằng ruộng phì nhiêu, màu mỡ là không hợp lý; một số địa phương, đơn vị, nhà đầu tư dưới mọi hình thức để chiếm đoạt ruộng, đất, mà gần đây trong năm 2010 các cuộc thanh tra nhà nước đã kết luận và yêu cầu thu hồi trên 2.000ha. Thực tế này cho thấy một sự lãng phí đất khá lớn khi không ít địa phương đã san lấp hàng trăm ha đất "bờ xôi, ruộng mật" để quy hoạch phát triển cum công nghiệp (CCN) trong khi tỷ lệ lấp đầy các CCN còn khá thấp.

Những tồn tại trên chưa được giải quyết, tích tụ thành nguyên nhân cơ bản, sâu xa, còn tiềm ẩn những yếu tố bất ổn định kinh tế vĩ mô, tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế xã hội năm 2011. Mặc dù, Chính phủ đã đề ra Nghị quyết 11/NQ-CP với mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội, đã đạt được kết quả bước đầu. Tuy vậy, tại hội nghị tham vấn các đối tác quốc tế về tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam đầu tháng 9-2011 (tổ chức tại Việt

Nam) - các nhà tài trợ, các chuyên gia kinh tế nước ngoài cho rằng, những kết quả bước đầu còn rất mong manh, nền tảng kinh tế vĩ mô của Việt Nam chưa được cải thiện một cách căn bản, lạm phát và lãi suất còn cao. Giá cả, dư nợ tín dụng ngoại tệ tăng mạnh, dự trữ ngoại hối tăng nhưng còn mỏng. Tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng có nguy cơ gia tăng. Xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam trên thị trường tài chính quốc tế vẫn chưa cải thiện và có thể bị tụt hạng.

3. Những nhóm giải pháp nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế có phạm vi, nội hàm rất rộng.

Với chủ trương, chính sách và giải pháp liên quan nội dung đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế đã được đề cập trong các văn kiện Đại hội XI của Đảng, nhất là năm quan điểm phát triển, ba khâu đột phá của chiến lược. Tuy nhiên, từ thực tiễn nền kinh tế và yêu cầu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, chúng tôi xin được cụ thể hóa và nêu ra các nhóm giải pháp nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế như sau:

1. Xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, có kế hoạch, bước đi cụ thể, toàn diện, đồng bộ, thể hiện ý chí quyết tâm cao, tính khả thi lớn về chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cấu trúc lại nền kinh tế theo hướng chiến lược được xác định, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

Bên cạnh những giải pháp ngắn hạn, mang tính "chữa trị triệu chứng", cần những giải pháp dài hạn mang tính hệ thống như: nhanh chóng tái cấu trúc nền kinh tế, đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp nhà nước, tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, đầu tư và quản lý tốt nợ công; thực hiện tốt chính sách tài chính tiền tệ; tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ; đẩy mạnh xuất khẩu, giảm nhập siêu; thu hút đầu tư

nước ngoài; đặc biệt quan tâm tới công tác bảo đảm an sinh xã hội. Tạo sự cân bằng giữa tăng trưởng và ổn định lâu dài. Cần coi trọng ổn định kinh tế vĩ mô là yếu tố tiên quyết để có tăng trưởng kinh tế. Tái cấu trúc nền kinh tế bao gồm nhiều nội dung nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đẩy mạnh CNH, HĐH, tạo ra nhiều sản phẩm có khả năng cạnh tranh để có thể tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, ổn định xã hội, bảo đảm an ninh lương thực và cải thiện đời sống nhân dân. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, phát triển mạnh kinh tế dân doanh. Phát triển mạnh hệ thống phân phối của các doanh nghiệp trên thị trường nội địa, mở rộng thị trường xuất khẩu, nâng cao hiệu quả đầu tư, Nhà nước tập trung đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực và các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thiết yếu. Huy động nguồn lực của các thành phần kinh tế, khuyến khích đầu tư vào các ngành sản xuất, các sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, các ngành công nghiệp hỗ trợ, sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch. Hạn chế đầu tư vào các ngành khai thác, sử dụng nhiều tài nguyên, đất đai, tiêu hao nhiều năng lượng; không chấp nhận những dự án đầu tư công nghệ thấp, gây ô nhiễm môi trường.

2. Đẩy mạnh phong trào "thi đua yêu nước", thực hiện dân chủ cơ sở... đi vào chiều sâu hơn, thực chất hơn, chống hình thức và "thương mại hóa", nhằm chống "tha hóa", phát huy năng lực, trí tuệ của con người Việt Nam tham gia vào tiến trình phát triển đất nước, tiến trình phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện "cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư" theo lời Bác Hồ đã căn dặn. Mỗi ngành, mỗi cấp, từng đơn vị và mọi người phải có ý thức tự giác thành thói quen thực hiện tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng và sử dụng nguồn lực hiệu quả, thúc đẩy, tăng trưởng bền vững.

3. Sự tăng trưởng kinh tế (GDP) dựa trên cơ sở cân đối khả năng nguồn lực đóng góp vào quá trình tăng trưởng, nhưng tăng trưởng bền vững mới là theo chiều sâu lại

được thể hiện ở chỉ số chất lượng. Do vậy, xem xét, đánh giá từ sự kết hợp chỉ số tăng trưởng và chỉ số năng suất các nhân tố không được xem nhẹ, mà coi đây là những chỉ số thước đo kết quả chất lượng đổi mới mô hình, cấu trúc lại nền kinh tế; đề ra chỉ số số lượng nhưng phải đi kèm chỉ số chất lượng (ICOR, TFP...)

4. Hoàn thiện, thể chế hóa các quan điểm Nghị quyết, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 do Đại hội XI của Đảng đề ra, về việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; về phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các hình thức phân phối. Hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường, vừa tuân thủ theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH, kết hợp hài hòa phát triển kinh tế với các vấn đề xã hội, giữa hội nhập kinh tế với độc lập tự chủ, chủ quyền của quốc gia.

5. Tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả chức năng quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; "Phải chuyển mạnh từ Nhà nước điều hành nền kinh tế sang Nhà nước kiến tạo phát triển". Phát huy ưu thế vai trò của Nhà nước pháp quyền XHCN, các phương tiện, công cụ kinh tế của Nhà nước để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, kiểm soát, điều tiết vĩ mô nền kinh tế, bảo đảm duy trì tính ổn định, tăng trưởng bền vững. Xây dựng thể chế để đảm bảo yêu cầu bộ máy chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, phẩm chất đạo đức, trình độ khoa học - công nghệ, năng lực quản lý, quản trị nền kinh tế thị trường định hướng XHCN theo hướng CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, kinh tế "sáng tạo".

6. Cần phải theo sát, bám thực tiễn hoạt động kinh tế, đầu tư nghiên cứu, sử dụng hiệu quả công cụ chính sách kinh tế xã hội để thúc đẩy quá trình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế và nội bộ các ngành kinh tế.

Trong các chính sách kinh tế xã hội, đặc biệt cần có sự đổi mới các chính sách về sở hữu toàn dân (sở hữu nhà nước) về những tư liệu sản xuất chủ yếu, chính sách về thuế, phí, đất đai, đầu tư công, cung cấp dịch vụ công,... nhằm khuyến khích có điều kiện để thúc đẩy các doanh nghiệp tăng tỷ lệ nội địa hóa sản xuất nhằm chuyển nền công nghiệp từ gia công, lắp ráp sang sản xuất theo hướng tái sản xuất mở rộng không ngừng của C.Mác phù hợp với tình hình và yêu cầu của đất nước hiện nay.

7. Sử dụng các phương tiện, công cụ kinh tế của Nhà nước để dẫn dắt, điều tiết và hạn chế những khuyết tật của thị trường.

Pháp luật, chính sách, thể chế kinh tế của Nhà nước đã đề ra phải được tôn trọng, giữ vững kỷ cương trong thực hiện và luôn theo sát thực tiễn để bổ sung, điều chỉnh thích hợp, tác dụng tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội và cuộc sống nhân dân.

Quy hoạch kế hoạch đòi hỏi: phải toàn diện, đồng bộ, các bước thực hiện có liên quan chặt chẽ giữa dài hạn, trung hạn và ngắn hạn; liên quan đến phân bổ nguồn lực hợp lý khắp đất nước, liên quan đến sản xuất, phân phối lưu thông và tiêu dùng; phục vụ yêu cầu đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; khắc phục cách biệt giữa thành thị và nông thôn, miền xuôi miền núi; liên quan đến kinh tế - quốc phòng, an ninh... Đã đến lúc cần xây dựng "chuỗi" quy hoạch thống nhất từ trung ương đến địa phương có sự gắn kết liên hoàn về quy hoạch tổng thể. Không phải để các địa phương "khoán đất và cho thuê đất", "mạnh ai nấy làm". Xác định rõ những nội dung kinh tế - xã hội mà mỗi cấp chính quyền cần hoạch định, đồng thời tính toán sự cần thiết đối với nguồn lực tương ứng các mục tiêu đã được xác định nhằm định hướng, dẫn dắt thị trường phát triển; chỉ dẫn và dự báo các nhân tố ảnh hưởng các mục tiêu phát triển nhằm định hướng hoạt động cho các doanh nghiệp; cho các chỉ tiêu phát triển bền vững như các chỉ tiêu về phát triển chất lượng, chỉ tiêu về an sinh xã hội, môi trường...

Tài chính, tiền tệ: cấu trúc lại hệ thống tài chính, ngân hàng, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế tài chính, tiền tệ, tín dụng và ngoại hối phù hợp với nhu cầu phát triển của quốc gia và tiêu chuẩn, thông lệ của quốc tế nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của nền kinh tế.

Kết hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ. Chủ động, linh hoạt điều hành chính sách, nhất là chính sách tài khóa, thuế, cơ chế quản lý giá, lãi suất tín dụng theo nguyên tắc thị trường. Kiện toàn công tác thanh tra, giám sát tài chính, tín dụng, bảo đảm các chỉ số nợ ở mức an toàn, bảo đảm vốn vay có hiệu quả.

Phát huy vai trò, vị trí, bảo đảm quyền tự do kinh doanh đúng hướng, bình đẳng, nâng cao năng lực cạnh tranh lành mạnh của các tổ chức kinh tế, thành phần kinh tế cùng góp phần vào sức mạnh vật chất điều tiết vĩ mô nền kinh tế, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn, tổng công ty và người đứng đầu chịu trách nhiệm của mình là "đầu tàu", là "tấm gương", là lực lượng vật chất quan trọng của Nhà nước trong việc dẫn dắt, điều tiết nền kinh tế theo định hướng.

8. Khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, chia cắt, cần phải chuyển dịch từ cơ cấu kinh tế địa phương sang cơ cấu kinh tế vùng và mối quan hệ thống nhất không mâu thuẫn giữa cơ cấu kinh tế địa phương, cơ cấu kinh tế vùng với cơ cấu kinh tế cả nước.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế cần nhìn ở quy mô nền kinh tế quốc gia và các vùng kinh tế, khu kinh tế trọng điểm để có sức mạnh của liên kết vùng và chức năng kinh tế của chính quyền địa phương. Lấy các đô thị lớn có nền kinh tế hàng hóa phát triển (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ, Vũng Tàu, Vinh,...) làm "hạt nhân" trong mối quan hệ "mang tính cơ cấu" của vùng kinh tế trọng điểm, có chính sách và cơ

chế điều hành, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế của cả vùng, từng địa phương, không trùng lặp nhiệm vụ do trung ương thực hiện với nhiệm vụ được giao cho địa phương thực hiện và công việc giữa các cấp chính quyền trong phạm vi một địa phương với nhau...nhằm tránh sự đùn đẩy trách nhiệm, dựa dẫm nhau, chông chéo lẫn lộn, cản trở trong hoạt động. Khi đã tạo sự chủ động cho chính quyền cấp dưới, thì nhiệm vụ chính yếu của chính quyền cấp trên là ban hành các quy định và kiểm tra, giám sát việc tuân thủ.

9. Đổi mới toàn diện và phát triển nhanh giáo dục và đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.

Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đa dạng, đa tầng của công nghệ và trình độ phát triển của các lĩnh vực, ngành nghề, nâng cao trách nhiệm, thực hiện liên kết và có cơ chế hợp đồng đầu vào và đầu ra giữa các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và Nhà nước để phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 7
- Các văn kiện Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam: III, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI
- Nghị quyết XI của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung khắc chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

Báo Nhân Dân số ngày: 16-2; 23-2; 27-6; 31-7-2011; Nhân dân cuối tuần số 31, ngày 31-7-2011; Nhân dân hàng tháng số 170 - tháng 6-2011; Thời nay số 143 ngày 23-5-2011; Tạp chí Báo cáo viên của Ban Tuyên giáo trung ương số 6-2011.